

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 349/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng
tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 644/TTr-SXD ngày 20/7/2009 và Báo cáo thẩm định số 643/BC-HĐTĐ ngày 20/7/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, với những nội dung chính sau:

I. Mục tiêu và quan điểm phát triển

1. Quan điểm phát triển:

- Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng phải gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, quy hoạch ngành công nghiệp, quy hoạch đất đai, quy hoạch đô thị, quy hoạch kết cấu hạ tầng của tỉnh, để đảm bảo tính khoa học và khả thi cao. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng phải đi đôi với quản lý Nhà nước trong lĩnh vực vật liệu xây dựng để đảm bảo bền vững, gắn hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội, bảo vệ tốt nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái, di tích văn hoá, lịch sử, cảnh quan và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở phát huy nội lực của ngành và của tỉnh, tận dụng tiềm năng thiên nhiên, lao động và nguồn lực cho đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế. Xem năng lực nội sinh của ngành là nền tảng để phát

triển nhằm tiết kiệm vốn đầu tư, đưa nhanh sản phẩm vào thị trường, tạo ra hiệu quả cao trong sản xuất và kinh doanh. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế tham gia sản xuất vật liệu xây dựng, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng phát triển, nhằm chống độc quyền trong sản xuất và lưu thông phân phối vật liệu xây dựng, tạo động lực cho việc cải tiến công nghệ, cải tiến công tác quản lý nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm vật liệu xây dựng trên thị trường trong nước và nước ngoài.

- Tập trung phát triển sản xuất xi măng, gạch ngói và khai thác đá cát sỏi, xem đây là những hướng đầu tư chính của ngành vật liệu xây dựng ở tỉnh trong giai đoạn tới. Đồng thời, chú trọng phát triển các chủng loại vật liệu xây dựng mới có chất lượng cao phục vụ cho xây dựng đô thị, các khu thương mại và du lịch ... và quan tâm đúng mức đến việc phát triển các chủng loại vật liệu xây dựng rẻ tiền, trước mắt là các loại vật liệu xây, lợp cho xây dựng nhà ở cũng như vật liệu cho xây dựng đường xá, kênh mương thủy lợi ... ở các khu vực có khả năng chi trả hạn chế.

- Lựa chọn qui mô đầu tư hợp lý đối với từng chủng loại vật liệu xây dựng, bố trí sản xuất gần các vùng nguyên liệu và các vùng tiêu thụ để phù hợp với đặc thù của đa số các chủng loại vật liệu xây dựng là nặng và cồng kềnh, khối lượng sử dụng thường lớn, đồng thời thích ứng với từng thời kỳ tùy theo năng lực tiếp thu công nghệ sản xuất và tập quán sử dụng vật liệu xây dựng của tỉnh. Đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng có khả năng hướng tới thị trường trong nước cần tranh thủ tối đa các cơ hội để mạnh dạn đi vào các công nghệ tiên tiến, không nhập khẩu công nghệ lạc hậu, công nghệ tiêu tốn nhiều nguyên liệu, nhiên liệu và gây ô nhiễm môi trường; đồng thời cần đầu tư quy mô lớn, để nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

2. Mục tiêu phát triển:

Tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có và phát huy lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi, để đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng của tỉnh, cung ứng các sản phẩm vật liệu xây dựng ra ngoài tỉnh và ngoài nước. Tập trung đầu tư mở rộng sản xuất xi măng nghiền, vật liệu ốp lát, các sản phẩm vật liệu xây dựng hữu cơ từ sản phẩm và chế phẩm dầu mỏ, các sản phẩm vật liệu xây dựng mới; đồng thời chú trọng việc đầu tư đổi mới công nghệ cho các cơ sở lò đứng nung gạch, các dây chuyền khai thác đá, cát thủ công..., nhằm thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành công nghiệp vật liệu xây dựng ở tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tăng nguồn thu ngân sách cho tỉnh, tạo tích lũy cho việc tái sản xuất mở rộng của ngành và giải quyết việc làm cho người lao động đang là một trong những vấn đề bức bách của xã hội.

II. Phương án quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến 2020

1. Xi măng:

Đầu tư các trạm nghiền xi măng tại tỉnh để chủ động giải quyết nhu cầu xi măng cho xây dựng của tỉnh và cung ứng cho các tỉnh lân cận thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ; đồng thời tận dụng tốt nguồn phụ gia puzolan chất lượng cao cho sản xuất. Trong tương lai sẽ chuyển một phần sang sử dụng tro xỉ luyện kim làm phụ gia để sản xuất sản phẩm xi măng xỉ, sử dụng cho các công trình xây dựng trên biển và trên đất liền ở vùng ven biển là những khu vực có mức độ xâm thực mạnh. Đưa năng lực sản xuất xi măng nghiền của tỉnh đạt 1,5 triệu tấn vào năm 2015 và 2,0 triệu tấn vào năm 2020.

2. Đá xây dựng:

- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất các cơ sở khai thác đá hiện có của tỉnh để giảm bớt đầu mối khai thác, trên cơ sở liên doanh, liên kết để tận dụng kết quả đã đầu tư của các doanh nghiệp vào việc bóc tầng phủ, làm đường và tận dụng thiết bị đã có để nâng cao năng lực khai thác vào một số khu vực khai thác tập trung. Tuỳ theo thị trường tiêu thụ từng khu vực, sẽ hình thành ở mỗi địa bàn một cơ sở khai thác để cung ứng cho xây dựng tại chỗ ; riêng khu vực Bình Sơn, Sơn Tịnh có thể đầu tư nhiều cơ sở và với qui mô lớn để cung cấp cho thị trường thành phố Quảng Ngãi, đô thị Vạn Tường và các khu đô thị, khu công nghiệp trong vùng. Các mỏ thuộc Khu kinh tế Dung Quất sẽ giảm dần sản lượng tiến tới ngừng sản xuất để đảm bảo an toàn cho nhà máy lọc hoá dầu và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, môi trường cho khu vực.

- Qui mô khai thác phải đạt tối thiểu 100 ngàn m³/năm như Chỉ thị số 18/2008/CT-TTg ngày 06/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt động khai thác các mỏ đá nhằm đảm bảo an toàn trong khai thác. Đối với các huyện miền núi, như : Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ là các huyện có nhu cầu thấp và không có nhiều khu vực tiêu thụ tập trung có thể tồn tại qui mô khai thác < 100 thậm chí < 50 ngàn m³/năm ; tập trung đầu tư khai thác đá cho xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp cung cấp đá cho xây dựng dân dụng của Nhà nước và nhân dân trong khu vực. Các mỏ phải được thăm dò, phải có thiết kế khai thác được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mới được cấp phép (kể cả các cơ sở khai thác hiện có được cấp phép khai thác tận thu nếu không đạt các điều kiện trên cũng sẽ ngừng gia hạn giấy phép khai thác).

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đầu tư phải tiến hành đồng bộ, ngoài thiết bị chế biến cần đầu tư phương tiện vận tải, đầu tư mở rộng khai trường, bến bãi, đường vận chuyển nội bộ, đường vận chuyển từ khu khai thác ra các trục giao thông chính để vận chuyển đá thành phẩm tới các hộ tiêu thụ.

- Áp dụng các giải pháp kỹ thuật trong khai thác và chế biến để giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đồng thời có các biện pháp phòng hộ lao động, các phương tiện bảo hộ lao động để đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc trên sườn núi cao và trong khâu sử dụng vật liệu nổ.

- Đưa năng lực khai thác đá của tỉnh lên 1,855 triệu m³ đến năm 2015 và 2,65 triệu m³ đến năm 2020.

3. Cát xây dựng:

- Các khu vực có nguồn cát với trữ lượng lớn và có thị trường tiêu thụ như Bình Sơn, Sơn Hà, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi cần được phân vùng khai thác hợp lý, tập trung vào một số đầu mối, để đầu tư khai thác với qui mô lớn, sử dụng thiết bị khai thác cơ giới hoá để nâng cao năng lực khai thác, đồng thời tổ chức vận chuyển hợp lý để đảm bảo an toàn và gìn giữ vệ sinh môi trường.

- Tận dụng nguồn cát phân bố trên địa bàn tỉnh để hình thành các cơ sở khai thác cát tại các huyện Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành nhằm giải quyết nhu cầu xây dựng tại chỗ, hạn chế việc vận chuyển cát đi xa để giảm giá thành xây dựng.

- Thực hiện tốt việc cấp phép khai thác, đây chính là biện pháp quan trọng nhất để quản lý khai thác cát. Cấp phép khai thác chỉ tiến hành từng năm một, thậm chí 6 tháng một và không cấp phép khai thác vào mùa mưa lũ, để kịp thời chấn chỉnh những hoạt động khai thác cát không đảm bảo đúng qui định của pháp luật và gây ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên để ngăn chặn các hoạt động khai thác cát trái phép, đảm bảo tiết kiệm tài nguyên, đem lại lợi ích kinh tế cao cho trước mắt cũng như lâu dài ; đồng thời đảm bảo an toàn cho các dòng sông.

- Đưa năng lực khai thác cát của tỉnh lên 1,62 triệu m³ đến năm 2015 và 2,4 triệu m³ đến năm 2020.

4. Vật liệu xây:

- Các cơ sở gạch ngói nung tuy nen hiện có cần phát huy đầy đủ năng lực sản xuất đã đầu tư. Trên cơ sở sản xuất đã đi vào ổn định sẽ tiếp tục đầu tư cải tạo lò nung, hệ máy chế biến và hệ thống sân bãi để nâng sản lượng lên 1,2 - 1,5 lần so với công suất hiện có, nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, giảm giá thành sản phẩm, nhanh chóng đưa sản phẩm ra thị trường.

- Tiếp tục đầu tư sản xuất gạch ngói nung bằng lò tuy nen với qui mô hợp lý tại các địa bàn trong tỉnh, phân đầu mỗi huyện đồng bằng có ít nhất một cơ sở sản xuất gạch tuy nen, riêng các huyện có thị trường tiêu thụ và có nguồn nguyên liệu tốt có thể có thể đầu tư nhiều hơn để cung ứng ra ngoài tỉnh. Tùy thuộc vào trữ lượng nguyên liệu và nhu cầu thị trường từng khu vực có thể lựa chọn qui mô sản xuất lớn từ 20 - 25 triệu viên/năm hoặc qui mô trung bình từ 10 - 15 triệu viên/năm một cơ sở.

- Đầu tư chuyển đổi sản xuất gạch bằng lò đứng thủ công sang lò đứng nung gạch liên tục đối với các cơ sở sản xuất gạch bằng lò đứng thủ công hiện có, trên cơ sở liên doanh liên kết giữa các cơ sở để huy động nguồn vốn và thực hiện theo kế hoạch để chủ động cung ứng vật liệu xây cho nhu cầu của xã hội trong từng giai đoạn. Qui mô mỗi khu vực cần đạt trung bình khoảng 4 triệu viên/năm, có thể tới 8 - 10 triệu viên/năm; đầu tư cần đồng bộ cả lò nung và thiết bị chế biến tạo hình để phát huy hiệu quả sản xuất. Đến năm 2012 xóa bỏ hoàn toàn lò đứng nung gạch thủ công trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích các cơ sở khai thác đá cát xây dựng, cơ sở xi măng nghiền, các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề khác cũng như các hộ tư nhân đầu tư sản xuất gạch bê tông nhẹ và gạch không nung từ nguyên liệu đá mặt, cát vàng và xi măng để giải quyết một phần nhu cầu về vật liệu xây tại chỗ và cung ứng cho xây dựng nhà xưởng sản xuất cũng như các hạng mục công trình phụ trợ tại các khu, cụm công nghiệp. Nâng tỷ lệ gạch không nung lên 20% đến năm 2015 và 30% đến năm 2020 như Quyết định của Chính phủ.

- Đưa năng lực sản xuất vật liệu xây các loại của tỉnh lên 410 triệu viên đến năm 2015 và 550 triệu viên đến năm 2020.

5. Vật liệu lợp:

- Đầu tư sản xuất theo qui mô công nghiệp sản phẩm ngói xi măng - cát 10 viên/m², loại có màu tại các khu công nghiệp, khu đô thị để giải quyết nhu cầu ngói lợp và ngói dán, phấn đấu để có năng lực sản xuất khoảng 250 ngàn m² đến năm 2015 và 500 ngàn m² đến năm 2020. Đồng thời khuyến khích các hộ tư nhân đầu tư sản xuất ngói xi măng - cát loại 13 viên/m² bằng phương pháp đập thủ công để giải quyết nhu cầu vật liệu lợp tại chỗ, nhất là ở các huyện miền núi, phấn đấu để có năng lực sản xuất khoảng 350 ngàn m² đến năm 2015 và 700 ngàn m² đến năm 2020.

- Đầu tư cơ sở sản xuất tấm lợp TONMAT có tính năng cách nhiệt, chống ẩm và tạo thẩm mỹ cho không gian nội thất, góp phần giải quyết nhu cầu vật liệu lợp của tỉnh.

- Đưa năng lực sản xuất vật liệu lợp các loại của tỉnh lên 1,6 triệu m² đến năm 2015 và 2,2 triệu m² đến năm 2020.

6. Vật liệu ốp lát:

- Đầu tư cải tiến công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm để phát huy đầy đủ năng lực sản xuất của hai cơ sở đá ốp lát hiện có, ngoài đá granit cũng có thể sử dụng các loại đá marble để gia công hướng vào phục vụ các đối tượng sử dụng có khả năng thanh toán thấp. Đồng thời, tăng cường khâu thiết kế mẫu mã đối với các mặt hàng dân dụng từ đá và đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường ở trong nước và tìm thị trường để xuất khẩu mặt hàng này; không đầu tư thêm các cơ sở sản xuất đá ốp lát mới ở tỉnh.

- Đầu tư xây dựng mới các cơ sở sản xuất gạch ốp lát gồm: gạch ceramic, gạch terastone - brettostone, gạch terrazzo và gạch lát không nung tự chèn để đáp ứng nhu cầu gạch lát trong và ngoài nhà; lát sân, đường tại các trung tâm văn hoá, sân chơi, quảng trường, bãi đỗ xe, lát hè phố v.v.

- Đưa năng lực sản xuất vật liệu ốp lát các loại của tỉnh lên 3,65 triệu m² đến năm 2015 và 7,3 triệu m² đến năm 2020.

7. Kính an toàn:

Ổn định công suất đã đầu tư và tiếp cận với thị trường trong vùng để tiêu thụ sản phẩm cho nhà máy sản xuất kính an toàn hiện có. Giai đoạn 2016 - 2020 sẽ tiếp tục đầu tư nâng công suất lên gấp hai, để đáp ứng nhu cầu về kính an toàn trong xây

dụng của tỉnh và các tỉnh miền Trung. Đưa năng lực sản xuất kính an toàn của tỉnh lên 0,6 triệu m² đến năm 2015 và 1,2 triệu m² đến năm 2020.

8. Vật liệu chịu lửa:

Đầu tư xây dựng một cơ sở sản xuất gạch chịu lửa sa mốt để phục vụ cho nhu cầu xây dựng các lò nung gạch tuy nen, lò đứng nung gạch liên tục, xây lò và làm kênh dẫn thép cho nhà máy luyện cán thép, đồng thời tận dụng tốt nguồn nguyên liệu sẵn có ở tỉnh, như: silimanit Hưng Nhượng, cao lanh Đồng Trỗi, Nghĩa Thắng... Đưa năng lực sản xuất vật liệu chịu lửa của tỉnh lên 5 ngàn tấn đến năm 2015 và 10 ngàn tấn đến năm 2020.

9. Bông xỉ:

Đầu tư xây dựng một cơ sở sản xuất bông xỉ làm vật liệu cách âm, cách nhiệt và bảo ôn cho các đường ống của các ngành công nghiệp nhất là công nghiệp lọc hoá dầu, sử dụng lượng xỉ thải làm nguyên liệu sản xuất, góp phần giải quyết phế thải cho nhà máy luyện thép. Đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020 với năng lực sản xuất 10 ngàn tấn/năm.

10. Vật liệu từ chế phẩm dầu mỏ:

Đầu tư xây dựng một cơ sở sản xuất các sản phẩm VLXD từ nhựa: tấm lát sàn, tấm ốp tường, ốp trần, khung cửa nhựa, bồn tắm, cabin tắm, nắp bàn cầu và phụ kiện vệ sinh, ống dẫn nước các loại v.v. Và một cơ sở sản xuất giấy dầu dùng làm vật liệu bao che, vật liệu chống thấm, chống ẩm ... nhằm tận dụng triệt để các sản phẩm và chế phẩm của công nghiệp lọc hoá dầu, tạo thêm sản phẩm mới cho tiêu dùng của xã hội, thay thế vật liệu nhập ngoại. Đưa năng lực sản xuất vật liệu nhựa lên 20 ngàn tấn và giấy dầu lên 10 triệu m² đến năm 2020.

11. Khai thác và chế biến nguyên liệu:

- Đầu tư mới các cơ sở khai thác và chế biến cao lanh Đồng Trỗi, Nghĩa Thắng; cơ sở khai thác và chế biến fenspat Làng Tốt, để phục vụ cho nhu cầu sản xuất gạch ceramic của tỉnh và cung cấp cho các cơ sở sản xuất ceramic tại các tỉnh khác trong vùng.

- Phát huy hết năng lực khai thác puzolan của các cơ sở hiện có và đầu tư mở rộng, nâng công suất lên gấp hai trong giai đoạn 2016 - 2020 để làm phụ gia cho các trạm nghiền xi măng và phụ gia cho bê tông đầm lăn trong thi công các công trình thủy điện.

- Đưa năng lực khai thác và chế biến cao lanh của tỉnh lên 120 ngàn tấn, fenspat lên 50 ngàn tấn, puzolan lên 98 ngàn tấn đến năm 2015 và fenspat lên 100 ngàn tấn, puzolan lên 200 ngàn tấn đến năm 2020.

+ *Phương án qui hoạch phát triển sản xuất đối với từng chủng loại vật liệu xây dựng như Phụ lục kèm theo.*

+ Các dự án phát sinh ngoài Phụ lục kèm theo chỉ được triển khai các bước đầu tư khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

- Phổ biến Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, để các ngành, các cấp, các huyện, thị trong tỉnh có căn cứ thực hiện.

- Quản lý và chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách để phát triển ổn định và bền vững cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng.

- Phối hợp với các huyện, thị kiểm tra giám sát tình hình triển khai quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm và đột xuất.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu thiết lập, hoàn chỉnh, ban hành các định mức về tiêu hao nguyên liệu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Sở Xây dựng lập kế hoạch thăm dò, khảo sát đánh giá trữ lượng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng đầy đủ, kịp thời để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành vật liệu xây dựng.

- Nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi các qui định nhằm đơn giản hoá các thủ tục cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác và kiểm tra, giám sát việc khai thác tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan ban hành, công bố các tiêu chuẩn về môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

- Nghiên cứu và hoàn thiện cơ chế hỗ trợ vốn có hiệu quả cho các dự án đầu tư về vật liệu xây dựng.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách về thuế tài nguyên trong đó có thuế tài nguyên đất sét sản xuất gạch ngói nung, để giảm dần việc khai thác đất, bảo vệ môi trường và xây dựng chính sách ưu đãi tạo điều kiện phát triển vật liệu không nung phù hợp với thực tế của tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Lập phương án đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng: tiếp thu, ứng dụng công nghệ tiên tiến ở trong và ngoài

nước, nhất là công nghệ sạch, công nghệ ít tiêu tốn nguyên liệu, nhiên liệu để thay thế các công nghệ lạc hậu trong sản xuất vật liệu xây dựng.

- Nghiên cứu chế tạo các sản phẩm vật liệu xây dựng không nung từ nguồn nguyên liệu tại chỗ, tổ chức sản xuất và trình diễn kỹ thuật để làm cơ sở nhân rộng ra trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quảng Ngãi:

- Quản lý, chỉ đạo các tổ chức, các nhân tham gia đầu tư phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn theo đúng quy hoạch, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy hoạch tại địa phương và định kỳ hàng năm báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự tại các khu vực có khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục giao đất, cho thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các vấn đề khác có liên quan cho các tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại địa phương. Đặc biệt chú trọng việc rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất sét làm gạch ngói nung trên địa bàn.

Điều 3. Sở Xây dựng căn cứ vào quan điểm, mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể trong quy hoạch để theo dõi, chỉ đạo thực hiện. Hàng năm tổ chức đánh giá việc thực hiện quy hoạch, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh để báo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội của tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH VẬT LIỆU XÂY DỰNG
TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 349/QĐ-UBND
ngày 17/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Tên cơ sở	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Ghi chú
1. Xi măng	Tr. tấn	1,5	2,0	
- Trạm nghiền Đại Việt	“	0,5	1,0	Đầu tư mới
- Trạm nghiền Chinfon – Hải Phòng	“	1,0	1,0	Đầu tư mới
2. Đá xây dựng	1000 m ³	1.895	2.750	
- Công ty phát triển cơ sở hạ tầng	“			
+ Mỏ đá Hang Hùm	“	40	150	Ổn định sản xuất đến 2015 và mở rộng nâng công suất đến 2020
+ Mỏ đá Bình Thanh	“	50	100	- như trên -
- Công ty trách nhiệm hữu hạn An Nhật Tân	“	49	150	- như trên -
- Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	“	150	150	- như trên -
- Công ty cổ phần 20/7 Quảng Ngãi	“			
+ Mỏ đá Trì Bình	“	80	100	- như trên -
+ Mỏ đá thôn 3 Trà Thủy	“	15	100	- như trên -
- Công ty cổ phần Trường Giang				
+ Mỏ đá núi Giữa	“	60	100	- như trên -
+ Mỏ đá núi Dâu	“	49	100	- như trên -
- Xí nghiệp 491 – Công ty Vạn Tường	“	49	150	- như trên -
- Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	“	180	200	- như trên -
- Công ty cổ phần công trình Quảng Ngãi	“	45	100	- như trên -
- Công ty cổ phần đá Mỹ Trang	“	98	150	- như trên -
- Công ty xây dựng công trình 586	“	70	100	- như trên -
- Công ty cổ phần Quản lý sửa chữa đường bộ Quảng Ngãi	“	50	100	- như trên -
- Công ty cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ Bình Định	“	25	100	- như trên -
- Công ty cổ phần xây dựng 47	“			
+ Mỏ đá Bình Đê	“	50	100	- như trên -
+ Mỏ đá Sơn Hải	“	200	200	- như trên -
- Công ty cổ phần Quản lý xây dựng giao thông Quảng Ngãi	“	50	100	- như trên -
- Công ty Xây lắp Quyết Thắng	“	20	100	- như trên -
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Nhiêu	“	300	300	Ổn định sản xuất đến 2020
- Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí	“	50	-	Ngừng sản xuất trong giai đoạn 2016 – 2020

Tên cơ sở	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Ghi chú
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Khánh Long	“	30	-	- như trên -
- Công ty cổ phần Trường Giang (mỏ đá Đá Bàn)	“	20	-	- như trên -
- Xí nghiệp Xây lắp máy Scitechimex	“	20	-	- như trên -
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng Phương Nam	“	20	-	- như trên -
- Công ty cổ phần xây dựng đô thị và khu công nghiệp	“	40	-	- như trên -
- Tổng Công ty Thành An – Chi nhánh miền Trung	“	20	-	- như trên -
- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thiên Phúc	“	25	-	- như trên -
- Công ty CP Đầu tư Hoàng An – Sài Gòn				
+ Mỏ đá Thuận Hòa – Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành	“	40	100	- như trên -
3. Cát xây dựng	1000 m ³	1.620	2.400	
- Khai thác trên sông Trà Bồng thuộc huyện Trà Bồng và Bình Sơn	“	150	200	Tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp khai thác trên địa bàn
- Khai thác trên sông Trà Cầu thuộc huyện Đức Phổ	“	100	120	- như trên -
- Khai thác trên sông Trà Khúc				
+ Thuộc huyện Tây Trà, Sơn Tây, Sơn Hà	“	150	200	- như trên -
+ Thuộc huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi	“	1.100	1.700	- như trên -
- Khai thác trên sông Vệ thuộc các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, trên sông Liên và sông Tà Nô tại huyện Ba Tơ; trên sông Phước Giang tại huyện Minh Long	“	120	180	Đầu tư khai thác mới
4. Vật liệu xây	Tr. Viên	410	550	
- Phong Niên 1	“	35	35	Lò tuynen hiện có
- Bình Nguyên (Công ty An Ngãi)	“	22,5	22,5	- như trên -
- Phố Phong (Công ty An Ngãi)	“	18	18	Lò tuynen hiện có
- Dung Quất 1	“	45	45	- như trên -
- Dung Quất 2	“	22,5	22,5	- như trên -
- Phú Điền	“	22,5	22,5	- như trên -
- Phong Niên 2	“	15	30	Lò tuynen xây dựng mới
- TT Đức Phổ (Đức Phổ)	“	30	40	nt
- Nghĩa Hiệp (Tư Nghĩa)	“	20	30	- như trên -
- Hành Thiện (Nghĩa Hành)	“	20	30	- như trên -
- Đức Chánh (Mộ Đức)	“	20	30	- như trên -

Tên cơ sở	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Ghi chú
- Công ty cổ phần gạch ngói Tịnh Sơn	“	8	8	Lò VSBK hiện có
- Công ty cổ phần gạch ngói Phô Phong	“	4	8	- như trên -
- Công ty cổ phần Sơn Mỹ	“	8	12	- như trên -
- Nghĩa Hà (Tur Nghĩa)	“	4	4	- như trên -
- Đức Hiệp (Mộ Đức)	“	8	8	- như trên -
- Nghĩa Mỹ (Tur Nghĩa)	“	4	4	Lò VSBK xây dựng mới
- Hành Dũng (Nghĩa Hành)	“	4	8	- như trên -
- Nghĩa Trung (Tur Nghĩa)	“	-	4	- như trên -
- Phô Hoà (Đức Phô)	“	-	4	- như trên -
- Đức Phú (Mộ Đức)	“	-	8	- như trên -
- Gạch bloc bê tông nhẹ Dung Quất	“	25	35	Gạch không nung xây dựng mới
- Gạch bloc bê tông nhẹ Đức Phô	“	-	25	- như trên -
- Gạch không nung ở các huyện	“	73	95	- như trên -
- Gạch đá ong	“	1,5	1,5	- như trên -
5. Vật liệu lợp	Triệu m ²	1,6	2,2	
- Ngói không nung	“	0,6	1,2	Đầu tư xây dựng mới
- Tấm lợp TONMAT – Khu công nghiệp Tịnh Phong	“	1,0	1,0	- như trên -
6. Vật liệu ốp lát	Triệu m ²	3,65	7,3	
- Gạch ceramic Dung Quất	“	3,0	6,0	Đầu tư xây dựng mới
- Gạch terastone và brettostone Tịnh Phong	“	0,1	0,2	- như trên -
- Gạch terrazzo Tịnh Phong	“	0,2	0,4	- như trên -
- Gạch lát hè Tịnh Phong	“	0,3	0,6	- như trên -
- Đá ốp lát				
+ Công ty trách nhiệm hữu hạn An Nhật Tân	“	0,025	0,05	Phát huy năng lực sản xuất hiện có
+ Công ty cổ phần 20/7	“	0,025	0,05	- như trên -
7. Kính an toàn	Triệu m ²	0,6	1,2	
- Công ty Xây dựng và Thương mại Phước An	“	0,6	1,2	Mở rộng nâng công suất
8. Gạch chịu lửa sa môt	1000 tấn	5,0	10,0	
- Khu công nghiệp Tịnh Phong	“	5,0	10,0	Đầu tư xây dựng mới
9. Bông xỉ	1000 tấn	-	10,0	
- Khu công nghiệp Dung Quất	“	-	10,0	Đầu tư xây dựng mới
10. Vật liệu từ chế phẩm dầu mỏ				
- Vật liệu nhựa Dung Quất	1000 tấn	20	20	Đầu tư xây dựng mới

Tên cơ sở	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Ghi chú
- Giấy dầu	Triệu m ²	10	10	- như trên -
11. Khai thác và chế biến nguyên liệu	1000 tấn			
- Cao lanh:		120	120	
+ Mỏ Đồng Trỗi	“	60	60	Đầu tư mới khai thác và chế biến
+ Mỏ Nghĩa Thắng	“	60	60	- như trên -
- Fenspat :		50	100	
+ Mỏ Làng Tốt	“	50	100	- như trên -
- Puzolan :		192	350	
+ Công ty sản xuất vật liệu puzolan IDICO	“	49	100	Mở rộng nâng công suất
+ Công ty trách nhiệm hữu hạn Huỳnh Châu	“	49	80	- như trên -
+ Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp Hải Châu	“	45	100	- như trên -
+ Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Vương	“	49	70	- như trên -